

SƠ ĐỒ EPC — CATALOGUE PHỤ TÙNG

# BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023

Sơ đồ EPC · CATALOGUE GOLDWING (2023) · Dùng cho  
HONDA GOLDWING (2023)

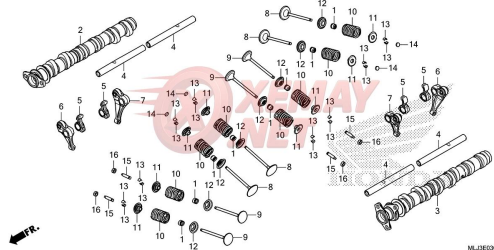
**Sơ đồ online:**

<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-3-catalogue-cam-xupap-honda-goldwing-2023--EPCDOV0004376> — mở link hoặc quét QR bên phải để xem sơ đồ tương tác, click từng phụ tùng để có giá + tồn kho.

**Thông kê nhanh**

|                                      |                                |                                  |
|--------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| <b>Tổng số phụ tùng:</b> 81 chi tiết | <b>Có giá tham khảo:</b> 81/81 | <b>Tổng giá trị:</b> 87,089,765đ |
|--------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|

\* Số lượng và giá tham khảo tại thời điểm cập nhật (06/08/2026). Giá có thể thay đổi — vui lòng liên hệ để có giá thực tế.

**EPC · BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023**

|               |                           |
|---------------|---------------------------|
| Mã EPC        | EPCDOV0004376             |
| Thương hiệu   | HONDA                     |
| Dòng xe       | GOLDWING                  |
| Năm SX        | 2023                      |
| Loại hệ thống | ENGINE                    |
| Danh mục      | CATALOGUE GOLDWING (2023) |
| Số phụ tùng   | <b>81</b> chi tiết        |
| Tổng giá trị  | <b>87,089,765đ</b>        |



Quét xem sơ đồ online

**Danh sách phụ tùng chi tiết (81 phụ tùng)**

Các phụ tùng đơn lẻ thuộc sơ đồ EPC **BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023**:

| # | Tên phụ tùng                                        | Mã SKU      | SL | Giá lẻ      |
|---|-----------------------------------------------------|-------------|----|-------------|
| 2 | Trục cam phải 14110-MKC-A00 HONDA GOLDWING          | 14110MKCA00 | 1  | 17,814,660đ |
| 2 | Trục cam phải 14110-MKC-W40 HONDA GOLDWING          | 14110MKCW40 | 1  | 17,902,503đ |
| 3 | Trục cam trái 14210-MKC-A00 HONDA GOLDWING          | 14210MKCA00 | 1  | 17,814,660đ |
| 3 | Trục cam trái 14210-MKC-W40 HONDA GOLDWING          | 14210MKCW40 | 1  | 17,902,503đ |
| 4 | Trục cò mổ xu páp 14451-MKC-A00 HONDA GOLDWING      | 14451MKCA00 | 1  | 313,967đ    |
| 5 | Cò mặt máy 14621-MKC-A00 HONDA GOLDWING             | 14621MKCA00 | 1  | 780,846đ    |
| 6 | Tay quay A cân bằng xả 14630-MKC-A00 HONDA GOLDWING | 14630MKCA00 | 1  | 1,605,614đ  |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                                                           | Mã SKU                      | SL | Giá lẻ     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|------------|
| 7  | Tay quay B cân bằng xả 14640-MKC-A00 HONDA GOLDWING                                                                                    | <a href="#">14640MKCA00</a> | 1  | 1,605,614đ |
| 8  | Xu páp hút 14711-MKC-A00 HONDA GOLDWING                                                                                                | <a href="#">14711MKCA00</a> | 1  | 2,150,580đ |
| 9  | Xu páp xả 14721-MKC-A00 HONDA GOLDWING                                                                                                 | <a href="#">14721MKCA00</a> | 1  | 1,634,895đ |
| 10 | Lò xo xu páp 14751-MKC-A00 HONDA GOLDWING                                                                                              | <a href="#">14751MKCA00</a> | 1  | 275,044đ   |
| 11 | Vòng giữ lò xo xu páp 14771-KW3-900 HONDA GOLDWING                                                                                     | <a href="#">14771KW3900</a> | 1  | 145,808đ   |
| 12 | Đế lò xo xu páp xả 14775-KTW-900 HONDA GOLDWING                                                                                        | <a href="#">14775KTW900</a> | 1  | 73,458đ    |
| 13 | Móng ngựa giữ xu páp 14781-ML0-720 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 160, CB 300, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110, WINNER R | <a href="#">14781ML0720</a> | 1  | 58,465đ    |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.200) 14901-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14901KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.225) 14902-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14902KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.250) 14903-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14903KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.275) 14904-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14904KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.300) 14905-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14905KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.325) 14906-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14906KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.350) 14907-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14907KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.375) 14908-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14908KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.400) 14909-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14909KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.425) 14910-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14910KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.450) 14911-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14911KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.475) 14912-KT7-013 HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350                                                       | <a href="#">14912KT7013</a> | 1  | 113,875đ   |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                  | Mã SKU      | SL | Giá lẻ   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----|----------|
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.500) 14913-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14913KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.525) 14914-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14914KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.550) 14915-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14915KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.575) 14916-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14916KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.600) 14917-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14917KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.625) 14918-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14918KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.650) 14919-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14919KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.675) 14920-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14920KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.700) 14921-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14921KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.725) 14922-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14922KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.750) 14923-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14923KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.775) 14924-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14924KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.800) 14925-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14925KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.825) 14926-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14926KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.850) 14927-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14927KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.875) 14928-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14928KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.900) 14929-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14929KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.925) 14930-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14930KT7013 | 1  | 105,741đ |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                  | Mã SKU      | SL | Giá lẻ   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----|----------|
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.950) 14931-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14931KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (1.975) 14932-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14932KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.000) 14933-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14933KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.025) 14934-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14934KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.050) 14935-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14935KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.075) 14936-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14936KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.100) 14937-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14937KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.125) 14938-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14938KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.150) 14939-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14939KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.175) 14940-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14940KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.200) 14941-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14941KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.225) 14942-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14942KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.250) 14943-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14943KT7013 | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.275) 14944-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14944KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.300) 14945-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14945KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.325) 14946-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14946KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.350) 14947-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14947KT7013 | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.375) 14948-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | 14948KT7013 | 1  | 105,741đ |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                  | Mã SKU                      | SL | Giá lẻ   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|----------|
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.400) 14949-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14949KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.425) 14950-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14950KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.450) 14951-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14951KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.475) 14952-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14952KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp 2.500 14953-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R   | <a href="#">14953KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp 2.525 14954-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R   | <a href="#">14954KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.550) 14955-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14955KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.575) 14956-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14956KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.600) 14957-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14957KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp 2.625 14958-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R   | <a href="#">14958KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp 2.650 14959-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R   | <a href="#">14959KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.675) 14960-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14960KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.700) 14961-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14961KT7013</a> | 1  | 102,487đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.725) 14962-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14962KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.750) 14963-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14963KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.775) 14964-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14964KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 14 | Vòng đệm xu páp (2.800) 14965-KT7-013<br>HONDA CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 350, WINNER R | <a href="#">14965KT7013</a> | 1  | 105,741đ |
| 15 | Vít chỉnh xu páp 90012-MGE-000 HONDA GOLDWING                                                 | <a href="#">90012MGE000</a> | 1  | 84,503đ  |

| #  | Tên phụ tùng                          | Mã SKU      | SL | Giá lẻ  |
|----|---------------------------------------|-------------|----|---------|
| 16 | Đai ốc 90206-KM3-000 HONDA REBEL 1100 | 90206KM3000 | 1  | 40,476đ |

\* Danh sách được tạo tự động từ hệ thống [DOV Panel](#) — hiển thị tối đa 200 phụ tùng đầu tiên.

Tìm kiếm liên quan

[Tất cả phụ tùng HONDA](#) · [Phụ tùng GOLDWING](#) · [Tất cả sơ đồ EPC](#)

Hướng dẫn tra cứu

**Cách sử dụng sơ đồ EPC:**

- Xác định vị trí phụ tùng cần thay trên xe.
- Đối chiếu với ảnh sơ đồ EPC ở trên — mỗi phụ tùng có số thứ tự (STT).
- Tra STT trong bảng bên trên để lấy **Mã SKU** chính xác.
- Cung cấp mã SKU cho cửa hàng hoặc tra cứu online tại <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-3-catalogue-cam-xupap-honda-goldwing-2023--EPCDOV004376> để biết giá và nơi bán.

Trích dẫn tài liệu này

**APA (7th ed.):**

DOV Wiki Phụ Tùng. (2026). Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023 (EPCDOV0004376). Truy cập ngày 06/08/2026, từ <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-3-catalogue-cam-xupap-honda-goldwing-2023--EPCDOV0004376>

**MLA (9th ed.):**

"Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023 (EPCDOV0004376)." *DOV Wiki Phụ Tùng*, 2026-08-06, <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-3-catalogue-cam-xupap-honda-goldwing-2023--EPCDOV0004376>. Truy cập 06/08/2026.

**Chicago (17th ed.):**

DOV Wiki Phụ Tùng. "Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023 (EPCDOV0004376)." Cập nhật 2026-08-06. <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-3-catalogue-cam-xupap-honda-goldwing-2023--EPCDOV0004376>.

Tài liệu này

Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 3 CATALOGUE CAM / XUPAP HONDA GOLDWING 2023 (EPCDOV0004376)

Cập nhật lần cuối  
06/08/2026

Dữ liệu sơ đồ EPC từ <https://panel.dov.vn>. Tài liệu tự sinh — không thay thế sơ đồ EPC chính thức từ nhà sản xuất.